

QUYỀN CỦA PHỤ NỮ CÁC NƯỚC ASEAN DƯỚI GÓC ĐỘ SO SÁNH LUẬT

TS. VŨ THỊ LAN ANH *

1. Cơ sở pháp lí để bảo vệ các quyền của phụ nữ ASEAN

Cơ sở pháp lí cho việc bảo vệ sự bình đẳng giới và đảm bảo những quyền cơ bản của phụ nữ thể hiện ở các điều ước quốc tế và hệ thống pháp luật quốc gia.

Trước hết, các nước ASEAN có nghĩa vụ thực hiện các cam kết trong những điều ước quốc tế mà họ đã tham gia. Trong lĩnh vực bảo vệ quyền của phụ nữ, điều ước quốc tế quan trọng nhất và toàn diện nhất là Công ước của Liên hiệp quốc về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW). Được thông qua vào ngày 18/12/1979, CEDAW có thể coi là “Tuyên ngôn về quyền của phụ nữ”.⁽¹⁾ Sự ra đời của Công ước CEDAW là kết quả hơn 30 năm đấu tranh của Ủy ban Liên hợp quốc về địa vị phụ nữ (CSW)⁽²⁾ nhằm bảo đảm nhân cách, phẩm giá và các quyền cơ bản của phụ nữ cũng như quyền bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới.

Ngoài ra, Tuyên bố Bắc Kinh và Diễn đàn hành động (BPFA) là những văn kiện được chính phủ các nước thông qua tại Hội nghị quốc tế về phụ nữ lần thứ 4, thể hiện những cam kết của Chính phủ các nước trong việc tăng cường quyền của phụ nữ ở mỗi quốc gia. Bên cạnh đó, Tuyên bố thiên niên kỉ và các mục tiêu phát triển thiên niên kỉ (MDGs) đề ra những mục tiêu và nhiệm vụ nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và đấu tranh xoá đói nghèo, bệnh tật, nạn mù chữ và suy thoái môi trường vào năm 2015. Cùng

với CEDAW, ba văn kiện trên tạo nên những công cụ pháp lí đa phương để các quốc gia hoạch định chính sách phát triển của mình liên quan đến bảo vệ quyền của phụ nữ như xây dựng kế hoạch, chính sách, các quy phạm pháp luật cũng như các chương trình hành động ở mọi khu vực và mọi cấp độ.

Ở phạm vi khu vực ASEAN, các nước đã thông qua ba tuyên bố ASEAN liên quan đến quyền của phụ nữ, đó là Tuyên bố vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 1988; Tuyên bố về xoá bỏ bạo lực đối với phụ nữ ở khu vực ASEAN năm 2004 và Tuyên bố ASEAN về chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em năm 2004. Để thực thi các tuyên bố này, các kế hoạch làm việc đã được xây dựng và thông qua như Kế hoạch làm việc vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới (2005 - 2010) và Kế hoạch làm việc nhằm triển khai Tuyên bố về bạo lực chống lại phụ nữ (2006 - 2010). Trong khuôn khổ ASEAN, Ủy ban ASEAN về phụ nữ có nhiệm vụ phối hợp và giám sát hoạt động hợp tác giữa các nước đối với các vấn đề về phụ nữ. Ủy ban này họp thường niên và mỗi nước thành viên luân phiên nhau giữ ghế Chủ tịch Ủy ban. Hiện nay, bản Hiến chương ASEAN đã được hầu hết các nước ASEAN phê chuẩn. Đây sẽ là cơ sở pháp lí rất quan trọng trong lĩnh vực bảo vệ nhân quyền, trong đó có quyền phụ nữ ở khu vực Đông Nam châu Á.

* Giảng viên Trung tâm luật so sánh Trường Đại học Luật Hà Nội

Bên cạnh các văn kiện quốc tế, ở mỗi quốc gia thuộc khối ASEAN đều có hệ thống các văn bản pháp luật tạo cơ sở pháp lí cho việc bảo vệ sự bình đẳng giới và đảm bảo những quyền cơ bản của phụ nữ. Văn bản pháp luật quan trọng nhất phải kể đến là hiến pháp - đạo luật cơ bản của mỗi quốc gia. Tất cả các nước ASEAN đều có hiến pháp thành văn và đa số các nước này ghi nhận những quyền cơ bản của công dân nói chung trong hiến pháp. Trong Hiến pháp Indonesia⁽³⁾ có Phần X – Công dân và người cư trú, trong đó Phần X(A) quy định về các quyền con người cơ bản. Hiến pháp Philippines năm 1987 ghi nhận Tuyên ngôn về các quyền tại Điều III với 22 khoản. Bên cạnh đó, trong Điều XIII – Công bằng xã hội và nhân quyền, khoản 14 quy định rõ trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ người phụ nữ. Hiến pháp Thailand năm 1997 mở rộng đáng kể các quyền cơ bản của con người (40 quyền con người so với 9 quyền theo Hiến pháp năm 1932). Tiếc là trong bản hiến pháp mới năm 2007, những đề xuất bổ sung quyền con người do Ủy ban nhân quyền quốc gia đưa ra đã không được Ban soạn thảo Hiến pháp chấp nhận. Trong số các nước ASEAN, Myanmar và Campuchia là những nước được cộng đồng thế giới quan tâm đặc biệt về vấn đề vi phạm nhân quyền nhưng trong Hiến pháp các nước này đều có những quy định khá cụ thể về quyền công dân. Chương 8 Hiến pháp Myanmar với 47 điều quy định về “Công dân, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”. Hiến pháp Campuchia dành một chương (từ Điều 31 đến Điều 50) đề cập “Quyền và nghĩa vụ của công dân Khmer”. Ở các nước trong khu vực ASEAN, duy nhất có Hiến pháp Brunei hoàn

toàn không quy định về các quyền công dân. Trong lần sửa đổi Hiến pháp vào năm 2004, khoản 3 Điều 83 mới được bổ sung quy định về hành vi “Mua bán và buôn lậu người”, coi đó là hành vi bị cấm, nếu vi phạm sẽ phải chịu chế tài hình sự.⁽⁴⁾ Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là ở Brunei luật pháp không quy định về quyền con người. Mặc dù không được ghi nhận trong Hiến pháp nhưng những quy định về quyền con người nằm rải rác trong các luật thành văn do Nhà nước ban hành và trong luật Hồi giáo.

Bên cạnh hiến pháp, các nước ASEAN có các văn bản pháp luật với những quy định liên quan đến quyền công dân trong các lĩnh vực khác nhau như bộ luật (luật) dân sự, bộ luật (luật) gia đình, bộ luật (luật) lao động hoặc ban hành các đạo luật nhằm cụ thể hoá các quyền công dân nói chung và quyền phụ nữ nói riêng. Ví dụ, Singapore có Hiến chương phụ nữ năm 1961, sửa đổi năm 1996; Lào có Luật về bảo vệ và phát triển của phụ nữ (2004); Brunei ban hành Luật gia đình Hồi giáo, Luật về phụ nữ đã kết hôn, Luật bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái. Đa số các nước ban hành luật về chống bạo lực gia đình như Malaysia (1994), Philippines (2002), Indonesia (2004), Lào (2004), Campuchia (2005), Thailand (2007), Việt Nam (2007). Nhiều nước đã thông qua luật chống buôn bán người (hoặc phụ nữ và trẻ em) như Thailand (1997), Philippines (2003), Myanmar (2005), Campuchia, Indonesia và Malaysia (cùng năm 2007). Trong khu vực ASEAN, đến nay mới chỉ có Việt Nam đã ban hành Luật về bình đẳng giới (2006), còn Thailand mới đang trong quá trình soạn thảo Luật này.

Như vậy, các điều ước quốc tế và các

văn bản pháp luật quốc gia là những nguồn luật chủ yếu tạo cơ sở pháp lí cho việc thực hiện các quyền của phụ nữ ở khu vực ASEAN. Ngoài ra, do đạo Hồi là tôn giáo khá phát triển ở khu vực Đông Nam Á nên luật Hồi giáo có ảnh hưởng không nhỏ đến pháp luật nói chung và pháp luật về quyền phụ nữ nói riêng ở một số nước ASEAN như Brunei, Indonesia, Malaysia... Brunei với 67% dân số theo đạo Hồi, coi Hồi giáo là quốc đạo; Indonesia là nước có tín đồ Hồi giáo đông nhất trên thế giới (ước tính trên 100 triệu người) nên pháp luật được xây dựng dựa trên niềm tin vào Thánh Allah và những nguyên tắc của Hồi giáo. Vì thế, tư tưởng không coi trọng phụ nữ của Hồi giáo thể hiện trong luật Hồi giáo được áp dụng rộng rãi trong cộng đồng người Hồi giáo chiếm đa số dân cư đồng thời để lại dấu ấn trong những quy định của pháp luật những nước này. Ví dụ, Điều 8 Hiến pháp Malaysia năm 1957 trong lần sửa đổi năm 2001 đã bổ sung quy định mọi công dân được bình đẳng không phân biệt giới tính, nhưng vẫn nhấn mạnh điều này không làm mất hiệu lực của những quy định Hồi giáo vốn trọng nam khinh nữ.⁽⁵⁾ Thậm chí những quy định Hồi giáo còn áp dụng đối với cả những người không phải là tín đồ Hồi giáo. Ví dụ: ở các trường quốc lập của Brunei, sinh viên nữ bắt buộc phải mặc trang phục đạo Hồi bao gồm cả khăn trùm đầu, cho dù họ có phải là người theo đạo Hồi hay không, bởi vì trang phục này được quy định là đồng phục nhà trường.⁽⁶⁾ Mặc dù pháp luật chính thức không thừa nhận chế độ đa thê nhưng do luật Hồi giáo cho phép người đàn ông lấy 4 vợ với điều kiện phải đòi xử công bằng và chu cấp tài

chính đầy đủ cho họ nên ở Malaysia chính quyền xem xét cho phép lấy nhiều vợ nếu thấy cần thiết.⁽⁷⁾ Tuy không phải là các quốc gia Hồi giáo nhưng Singapore, Thailand đều công nhận sự tồn tại của luật Hồi giáo và nó được áp dụng đối với cộng đồng tín đồ Hồi giáo ở những nước này. Vì thế, việc đảm bảo quyền bình đẳng của phụ nữ trở thành vấn đề nổi cộm ở một số nước thuộc khu vực ASEAN, nhất là ở những nước chịu ảnh hưởng của luật Hồi giáo.

2. Các quyền của phụ nữ ASEAN

Cũng như mọi công dân khác, phụ nữ các nước ASEAN được hưởng những quyền cơ bản của con người ghi nhận trong các văn bản pháp luật mỗi quốc gia, đó là các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, quyền được sống và tự do, bình đẳng trước pháp luật... Nghiên cứu quyền của phụ nữ theo pháp luật các nước ASEAN, chúng tôi thấy rằng quyền của phụ nữ có thể được chia thành hai nhóm là nhóm quyền chung và nhóm quyền riêng của phụ nữ.

2.1. Các quyền chung

Đây là các quyền mà mọi công dân tự do đều được hưởng, trong đó quan trọng nhất là quyền được sống. Không những được ghi nhận trong Công ước CEDAW, quyền được sống còn được quy định trong hiến pháp các nước ASEAN. Điều 28A Hiến pháp Indonesia nêu rõ mọi công dân "*có quyền được sống, được bảo vệ cuộc sống và sự tồn tại của mình*". Khoản 1 Điều 3 Hiến pháp Philippines quy định: "*Không ai có thể bị tước đoạt tính mạng, tự do hoặc tài sản ngoài quy trình, thủ tục được pháp luật quy định*". Hiến pháp Myanmar cũng công nhận công dân có quyền được sống và tự do (Điều 353).

Quyền được đối xử bình đẳng, công bằng giữa các công dân là vấn đề được các nước quan tâm đặc biệt. Nội dung quyền bình đẳng bao gồm: 1) Quyền bình đẳng giữa các công dân trong quan hệ với nhau và trước pháp luật nói chung; 2) Quyền bình đẳng giữa nam giới và nữ giới. Về nguyên tắc, mọi công dân đều được đối xử như nhau, không phụ thuộc vào màu da, giới tính, tôn giáo, địa vị xã hội... Sự bình đẳng phải được thể hiện ở mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội như kinh tế, lao động, giáo dục, khoa học, văn hoá, nghệ thuật... Pháp luật hầu hết các nước ASEAN quy định rất cụ thể, chi tiết về quyền bình đẳng của công dân. Hiến pháp Myanmar “đảm bảo tất cả mọi công dân có quyền bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ như nhau” (Điều 347). Hiến pháp Indonesia quy định: “tất cả công dân đều bình đẳng trước pháp luật và chính quyền mà không có bất cứ ngoại lệ nào” (khoản 1 Điều 27). Khoản 1 Điều 3 Hiến pháp Philippines khẳng định: “không ai có thể bị từ chối quyền được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng”. Đặc biệt, Hiến pháp Philippines có hẳn một điều khoản về công bằng xã hội và nhân quyền (Điều XIII), trong đó quy định Nhà nước dành ưu tiên tối cao cho việc ban hành các biện pháp bảo vệ và nâng cao quyền của mọi công dân đối với phẩm giá con người, giảm thiểu bất bình đẳng về xã hội, kinh tế, chính trị và loại bỏ bất bình đẳng về văn hoá. Quyền bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới cũng được ghi nhận trong Hiến pháp Thailand.

Tuy nhiên, quyền bình đẳng nam nữ ở các nước không giống nhau, nhất là ở các nước chịu ảnh hưởng của Hồi giáo. Theo Kinh

Koran, phụ nữ không được quyền bình đẳng với nam giới trong một số lĩnh vực quan trọng như hôn nhân, gia đình, thừa kế. Ví thể, ở Brunei trước đây, con mới sinh ra bắt buộc phải mang quốc tịch người bố. Mãi đến năm 2002, Luật quốc tịch sửa đổi mới cho phép con được theo quốc tịch bố hoặc mẹ.⁽⁸⁾

Mặc dù quy định rằng mọi công dân có quyền bình đẳng, “không phân biệt đối xử công dân do màu da, tôn giáo, địa vị, văn hoá, giới tính, sức khoẻ” (Điều 348), thậm chí còn nêu rõ “phụ nữ có các quyền tương tự như nam giới” (Điều 350), “Bà mẹ, trẻ em, phụ nữ mang thai có quyền bình đẳng theo pháp luật” (Điều 351) nhưng Hiến pháp Myanmar vẫn cho phép Chính phủ được quyền chỉ định nhân sự là nam giới giữ những vị trí được coi là chỉ phù hợp với đàn ông (Điều 352). Ví thể ở đất nước này, phụ nữ không giữ các vị trí quan trọng trong xã hội, ví dụ không có quan chức cấp cao nào của Chính phủ, Tòa án tối cao, quân đội là phụ nữ.⁽⁹⁾

Xét về mặt thực tế, sự bất bình đẳng giữa nam và nữ là phổ biến ở mỗi quốc gia, đặc biệt là ở những vùng nông thôn. Ví thể, phụ nữ thế giới nói chung và các nước ASEAN nói riêng luôn đấu tranh để đòi thực thi quyền bình đẳng mà pháp luật thừa nhận.

Quyền chính trị cũng là quyền quan trọng của phụ nữ ở các quốc gia ASEAN. Điều 7 Công ước CEDAW chỉ rõ phụ nữ được đảm bảo quyền bầu cử, quyền tham gia lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước và quyền thực thi các trách nhiệm xã hội của mình. Điều 8 quy định phụ nữ có cơ hội làm đại diện cho chính phủ ở cấp quốc tế và tham gia vào hoạt động của các tổ chức quốc tế. Pháp luật của đa số các nước ASEAN đều

công nhận quyền bầu cử và coi đây là quyền cơ bản của công dân, không phân biệt nam nữ. Mọi công dân đều có quyền bầu cử đại diện vào các cơ quan quyền lực nhà nước do dân bầu và có quyền ứng cử nếu đáp ứng đủ các điều kiện. Duy nhất ở Brunei, phụ nữ không có quyền bầu cử. Lí do không xuất phát từ sự phân biệt đối xử giữa nam giới và nữ giới mà ở chỗ mọi công dân Brunei, kể cả nam và nữ đều không có quyền bầu cử, bởi vì Brunei là vương quốc không có đại diện dân bầu, toàn bộ bộ máy chính quyền đều do Quốc vương chỉ định.

Phụ nữ, cũng như nam giới đều có thể được đề cử giữ các chức vụ lãnh đạo trong các cơ quan quyền lực nhà nước. Trừ ngoại lệ là Myanmar và Brunei như đã nêu ở phần trên, phụ nữ các nước ASEAN đều được pháp luật đảm bảo quyền tham gia chính trường. Một số nước yêu cầu phải có tối thiểu 1/3 ứng cử viên trong các cuộc bầu cử là phụ nữ như ở Indonesia; Lào đặt chỉ tiêu đạt được 30% là đại diện nữ trong các cơ quan quyền lực nhà nước; hoặc Thailand đòi hỏi các đảng phái chính trị phải có số lượng đảng viên nữ tối thiểu như nhau trong danh sách đảng viên.⁽¹⁰⁾ Trên thực tế, phụ nữ có thể đứng đầu một nhà nước như Tổng thống Philippines, bà C.C. Aquino. Không những thế, phụ nữ còn có thể tham gia đại diện cho quốc gia mình trên trường quốc tế và khu vực. Thực tế cho thấy rằng nhiều phụ nữ ASEAN đã và đang thực hiện tốt nhiệm vụ đại diện cho đất nước mình tại các tổ chức quốc tế và hoạt động nhà nước cấp cao.

Đi xa hơn nữa, liên quan đến quyền chính trị của phụ nữ, Hiến pháp Philippines quy định: “*không ai bị giam giữ chỉ vì lí do liên*

quan đến niềm tin và ước vọng chính trị của mình” (khoản 18 Điều III).

Theo pháp luật các nước ASEAN, phụ nữ có các quyền dân sự được quy định trong hiến pháp, bộ luật (luật) dân sự, bộ luật (luật) gia đình như quyền sở hữu tài sản (Điều 356 Hiến pháp Myanmar, khoản 2 Điều 3 Hiến pháp Philipinnes; khoản 4 Điều 28H Hiến pháp Indonesia...), quyền kết hôn và sinh con (Điều 28B Hiến pháp Indonesia)... Do ảnh hưởng của Hồi giáo, trong lĩnh vực hôn nhân - gia đình, người phụ nữ một số nước ASEAN chịu nhiều thiệt thòi hơn so với nam giới. Ví dụ, ở Brunei trước đây, phụ nữ không có quyền li dị chồng và không được chia tài sản khi li hôn. Theo luật Hồi giáo, chỉ người chồng mới có quyền quyết định kết thúc cuộc hôn nhân. Bằng cách nói 3 lần câu “Tôi li dị cô”, người chồng có thể chấm dứt mối quan hệ hôn nhân và người vợ không được nhận bất cứ tài sản nào hình thành trong thời kì hôn nhân đó. Đến năm 1999, bằng việc sửa đổi Luật gia đình Hồi giáo, vai trò và vị trí của người phụ nữ trong hôn nhân mới bước đầu được khẳng định. Tới năm 2003, phụ nữ Hồi giáo Brunei li hôn mới có quyền được kiện chồng cũ ra Tòa án Hồi giáo để chia nửa khối tài sản của cuộc hôn nhân. Ở Malaysia, trước năm 1999 khi chưa có Luật về trẻ em, chỉ có người đàn ông mới có thể là người giám hộ hợp pháp cho trẻ vị thành niên và tài sản của chúng. Sau năm 1999, người phụ nữ mới có được quyền này.

Bên cạnh đó, phụ nữ còn có các quyền kinh tế như quyền tự do kinh doanh, thương mại (Điều 370 Hiến pháp Myanmar), quyền sở hữu, thành lập và vận hành các doanh nghiệp kinh doanh (khoản 6 Điều 12 Hiến pháp Philippines).

Tuy nhiên, Hiến pháp một số nước như Indonesia, Brunei lại không đề cập trực tiếp tới quyền tự do kinh doanh của công dân với tư cách là quyền cơ bản của con người. Thế nhưng trên thực tế, phụ nữ những nước này có thể tham gia tích cực vào các hoạt động kinh tế, ví dụ ở Brunei, hơn nửa số doanh nghiệp vừa và nhỏ do phụ nữ sở hữu.⁽¹¹⁾

Trong lĩnh vực lao động, pháp luật các nước đều quy định công dân có quyền được lao động, có việc làm và được trả lương công bằng (Điều 28D Hiến pháp Indonesia, Điều 350 Hiến pháp Myanmar...). Tuy nhiên, thực tế cho thấy ở phần lớn các nước, phụ nữ thường được nhận lương ít hơn nam giới trong cùng một công việc.⁽¹²⁾

Ngoài ra, phụ nữ còn có các quyền khác như quyền được học tập, giáo dục; quyền tự do tôn giáo; quyền tự do thông tin, ngôn luận...

2.2. Các quyền riêng của phụ nữ

Bên cạnh các quyền chung của tất cả công dân, phụ nữ còn có một số quyền lợi riêng gắn liền với đặc điểm giới tính và thiên chức của mình. Đó là các quyền sinh sản, quyền chống xâm phạm và lợi dụng tình dục, quyền không bị mua bán, đặc biệt là quyền được bảo vệ chống lại bạo lực...

Sinh con là thiên chức của phụ nữ và không nước nào phủ nhận quyền làm mẹ của người phụ nữ. Điều 5 Công ước CEDAW thừa nhận sự hiểu biết đúng đắn nghĩa vụ làm mẹ như một chức năng xã hội và đòi hỏi cả hai giới phải chia sẻ trách nhiệm một cách đầy đủ trong việc nuôi dạy con. Công ước cũng khẳng định quyền quyết định sinh con của người phụ nữ. Đây là văn kiện quốc tế duy nhất về quyền con người đề cập vấn đề kế hoạch hoá gia đình. Ở khu vực ASEAN,

trong khi nhiều nước coi sinh con là quyền đương nhiên của phụ nữ thì ở Indonesia, phụ nữ chỉ được quyền sinh con thông qua hôn nhân hợp pháp.

Do phụ nữ là phái yếu nên luôn tiềm ẩn nguy cơ họ bị xâm phạm, quấy rối tình dục. Bộ luật hình sự nhiều nước quy định tội danh này và các chế tài áp dụng. Thậm chí Bộ luật bảo vệ lao động Thailand cũng quy định quấy rối tình dục nơi công sở là bất hợp pháp. Đối với việc buôn bán phụ nữ, nhiều nước đã ban hành Luật chống mua bán phụ nữ và trẻ em như Thailand (1997) hoặc bổ sung vấn đề này vào văn bản pháp luật hiện hành như Brunei (Hiến pháp năm 2004). Cuộc đấu tranh chống buôn bán phụ nữ và biến họ thành nô lệ tình dục còn nhiều gian nan ở một số nước như Thailand, Campuchia...

Những năm gần đây, bạo lực đối với phụ nữ có chiều hướng gia tăng, nhất là bạo lực từ phía gia đình. Trước đây, một số nước như Malaysia coi đó là công việc nội bộ gia đình. Nhưng đứng trước sự đe dọa bạo lực ngày càng tăng đối với phụ nữ, Chính phủ các nước đang nỗ lực chấn chỉnh tình trạng này. Theo Luật về chống bạo lực gia đình Malaysia năm 1994, cảnh sát có quyền bắt giữ người có hành vi bạo lực mang tính tội phạm trong gia đình, cưỡng chế họ rời khỏi nhà đồng thời Luật chú trọng mở rộng phạm vi bảo vệ, giúp đỡ nạn nhân của bạo lực. Bên cạnh đó, các nước cũng chú trọng giáo dục nạn nhân về quyền được bảo vệ của mình.

Tóm lại, qua nghiên cứu pháp luật các nước ASEAN về quyền phụ nữ, có thể rút ra một số kết luận sơ bộ như sau:

Thứ nhất, quyền của phụ nữ được ghi nhận ở các văn bản pháp luật ở tầm quốc tế,

khu vực và quốc gia. Bên cạnh những quyền chung mà mọi công dân đều có, phụ nữ còn có một số quyền riêng đặc thù liên quan đến đặc điểm sinh lí của mình.

Thứ hai, vai trò, vị trí của người phụ nữ ở các nước ASEAN không giống nhau. Ở một số nước như Philippines, phụ nữ bình đẳng với nam giới trong mọi lĩnh vực, thậm chí có thể nắm giữ vai trò lãnh đạo đất nước. Trong khi đó, ở một vài nước khác, phụ nữ bị hạn chế một số quyền như ở Myanmar, Brunei.

Thứ ba, pháp luật các nước ASEAN nhìn chung đều quy định về quyền phụ nữ và vấn đề bảo vệ người phụ nữ nhưng ở các mức độ khác nhau. Philippines tỏ ra là nước dành nhiều quan tâm đến việc bảo vệ quyền bình đẳng của phụ nữ, ít nhất là về mặt pháp lí. Cụ thể, bên cạnh những quyền công dân chung, Hiến pháp nước này có khá nhiều đoạn quy định rõ về vai trò, quyền lợi của người phụ nữ (khoản 2, 12, 14 Điều II; khoản 14 Điều XIII). Trong khi đó Brunei có vẻ ít quan tâm tới vấn đề này khi Hiến pháp hoàn toàn không có quy định về quyền công dân. Tuy thế, có thể nhận thấy xu hướng chung là pháp luật các nước ASEAN ngày càng mở rộng phạm vi quyền của phụ nữ nhằm hướng tới sự bình đẳng hoàn toàn với nam giới.

Thứ tư, mặc dù được pháp luật bảo vệ nhưng trên thực tế ở khu vực ASEAN, quyền của phụ nữ có tính thực thi chưa cao. Nhiều phụ nữ ở các nước ASEAN vẫn tiếp tục là nạn nhân của sự phân biệt đối xử, bạo hành, lạm dụng tình dục, mua bán phụ nữ... Điều này có thể dễ dàng nhận thấy trong các báo cáo quốc gia về nhân quyền của từng nước trong khu vực này.⁽¹³⁾

Chính vì thế, cho tới thời điểm này, việc

đảm bảo các quyền công dân, đặc biệt là quyền bình đẳng của phụ nữ vẫn còn là vấn đề nổi cộm của nhiều quốc gia trong khu vực ASEAN. Giải quyết vấn đề này không thể chỉ đơn giản về mặt pháp lí mà còn phụ thuộc nhiều vào ý thức xã hội và ý thức công dân. Vì vậy, thiết nghĩ người phụ nữ cần có sự quan tâm nhiều hơn nữa từ phía nhà nước, các tổ chức xã hội và mọi công dân, cho dù họ ở bất cứ cương vị nào trong xã hội./.

- (1). CEDAW đã được 185 nước phê chuẩn. Tất cả các thành viên ASEAN đều đã phê chuẩn Công ước này.
- (2). Ủy ban được thành lập năm 1946 nhằm giám sát địa vị và nâng cao quyền lợi của phụ nữ.
- (3). Hiến pháp Indonesia năm 1945 được sửa đổi, bổ sung lần thứ tư năm 2002.
- (4). Theo Hiến pháp Brunei, mua bán và buôn lậu người có thể bị phạt tiền tới 1 triệu \$, phạt tù từ 4 năm trở lên và phạt roi.
- (5). Salim, Arskal et.al, 2003, *The State and Sharia in the Perspective of Indonesian Legal Politics in Sharia and Politics in Modern Indonesia*, Salim, Arskal et.al eds. ISEAS, p. 1 - 16.
- (6). Nguồn: <http://www.state.gov/g/drl/rls/irf/2004/35392.htm>
- (7). Xem: Gender equality in Malaysia, Nguồn: <http://www.wikigender.com>
- (8). Xem: Voula Papas, *Islam and Women's rights*, Nguồn: <http://www.atheistfoundation.org.au/articles/islam-and-womens-rights>
- (9). Nguồn: <http://www.state.gov/g/drl/rls/hrrpt/2000/eap/index.cfm?docid=678>
- (10). Nguồn: <http://www.iknowpolitics.org/en/node/5880>
- (11). Xem: Báo cáo về nhân quyền của Brunei. Nguồn: http://www.mulabi.org/epu/6ta%20ronda/guides%20women/Brunei%20Darussalam%20QG%20Women%20_6_.pdf.
- (12). Theo kết quả khảo sát của Bộ lao động Thailand năm 2001, trung bình nam giới kiếm được nhiều hơn nữ giới 17% trong cùng một công việc. Nguồn: http://www.law.unimelb.edu.au/db/useful_links/alc/Li stURLs.cfm?Level2=53
- (13). Xem: <http://www.law.unimelb.edu.au>